

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/KDTM-ST
Ngày 17-8-2017
“V/v tranh chấp
hợp đồng xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Ba
2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 08/2017/TLST-KDTM, ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2017/QĐST-KDTM ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Nhà TM, khu đô thị V, phường L, quận H, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quốc B – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Bùi Hồng H**, sinh năm 1978

Địa chỉ liên hệ: tầng 3, khu văn phòng, tòa nhà F, đường L, phường M, quận N.

Ông Nguyễn Đặng Nhật M, sinh năm 1992

Địa chỉ liên hệ: tầng 3, khu văn phòng, tòa nhà F, đường L, phường M, quận N, Hà Nội.

Giấy ủy quyền ngày 22/3/2017.

Bị đơn: Công ty T

Địa chỉ trụ sở: đường N, khu phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đ

(Ông Hải, ông Minh có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/3/2017 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S trình bày:

Ngày 22/4/2015, Công ty Cổ phần S (gọi tắt Công ty S) và Công ty Cổ phần B (gọi tắt Công ty T) có ký kết Hợp đồng xây dựng số 116/2015/TCC-SĐ6 với nội dung:

- Công ty T giao Công ty S thi công hạng mục cọc khoan nhồi D1.2m thuộc gói thầu J2 của dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành. Điều 1 của Hợp đồng xây dựng số 116/2015/TCC-SĐ6 ngày 22/04/2015 ký kết giữa Sông Đà 6 và Công ty T (“Hợp đồng”) quy định nội dung như sau: *“Bên A giao và Bên B nhận thi công hạng mục cọc khoan nhồi D1.2m, thuộc gói thầu J2 của Dự Án Đường Cao tốc Bến Lức – Long Thành, KM 24 + 506.5 – KM 29 + 256.5, theo bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được các cấp có thẩm quyền phê duyệt), tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật của Dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công, ATLD&VSMT... và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.”*

- Giá trị tạm tính của Hợp đồng là 12.298.800.000 đồng đã bao gồm VAT.

- Công ty T sẽ tạm ứng 10% giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty S tập kết máy móc thiết bị đủ điều kiện thi công.

- Công ty T thanh toán 90% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi tư vấn giám sát và chủ đầu tư nghiệm thu các khối lượng thực hiện.

- Số tiền còn lại thanh toán trong vòng 10 ngày sau khi Công ty S hoàn thành toàn bộ nội dung công việc và hai bên ký kết biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S luôn tuân thủ các quy định đã giao kết trong hợp đồng, thi công đúng bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt, tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật của Dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công,... theo yêu cầu của Công ty T.

Tuy nhiên, Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền theo quy định của Hợp đồng. Theo Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng hai bên đã ký kết trong tháng 9/2016, tổng giá trị khối lượng công việc mà Công ty S đã thực hiện theo hợp đồng là 3.304.920.500đồng. Trong khi đó, Công ty T mới thanh toán cho Công ty S số tiền 1.199.919.500đồng (đã bao gồm tiền thanh toán, tiền tạm ứng và giá trị khối lượng công việc mà Công ty T thực hiện thay Công ty S). Như vậy, số công nợ còn lại của Công ty T đối với Công ty S phát sinh từ hợp đồng là 2.105.000.928đồng.

Theo quy định tại Điều 7.2 của hợp đồng và mục 3 Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng thì Công ty T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 2.105.000.928đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay, mặc dù Công ty S đã nhiều lần nhắc nhở, gửi Công văn yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Vì vậy Công ty S khởi kiện yêu cầu:

- Công ty Cổ phần B phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần S khoản công nợ còn lại là 2.105.000.928đồng theo Hợp đồng xây dựng số 116/2015/TCC-SĐ6 được ký kết ngày 22/4/2015 giữa Công ty Cổ phần S và Công ty Cổ phần B.

- Công ty Cổ phần B phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần S tạm tính từ ngày 11/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/8/2017) là 161.778.097đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần B vắng mặt và không cung cấp Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ là 2.105.000.928đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 161.778.097đồng phát sinh từ hợp đồng xây dựng số 116/2015/TCC-SĐ6 ngày 22/4/2015. Căn cứ vào các điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn Công ty T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty S yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 2.105.000.928đồng (làm tròn số là 2.105.001.000đồng) phát sinh từ hợp đồng xây dựng số 116/2015/TCC-SĐ6 ngày 22/4/2015. Xét thấy, hợp đồng trên là thỏa thuận giữa bên giao thầu (Công ty T) và bên nhận thầu (Công ty S) về việc thực hiện thi công hạng mục công trình khoan cọc nhồi thuộc gói thầu Dự án đường Cao tốc Bến Lức – Long Thành là một số công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng. Việc thỏa thuận này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng 2014. Hợp đồng được xây dựng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật. Về hình thức, hợp đồng được lập bằng văn bản, được đại diện có thẩm quyền của Sông Đà 6 và Công ty T cùng tiến hành ký kết và đóng dấu đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý và các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S luôn tuân thủ các quy định đã giao kết trong hợp đồng, thi công đúng bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt, tuân thủ các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật của Dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công, tổng giá trị khối lượng công việc mà Công ty S đã thực hiện theo hợp đồng là 3.304.920.500đồng. Công ty T mới thanh toán cho Công ty S (do thống nhất bù trừ nghĩa vụ đối với phần công việc thu hộ, trả hộ và tạm ứng mà Công ty T đã thực hiện thay) là 899.919.572đồng. Như vậy, Công ty T còn nợ Công ty S số tiền là 2.405.001.000đồng (đã làm tròn số).

Tại biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng không ghi ngày, tháng, năm 2016 thể hiện Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S toàn bộ số tiền 2.405.001.000đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng. Theo trình bày của đại diện Công ty S, sau khi ký biên bản quyết toán và thanh lý Công ty T tiếp tục thanh toán cho Công ty S số tiền 300.000.000đồng vào các ngày 16/11/2016, 29/12/2016 và ngày 09/01/2017). Mặc dù, việc thanh toán trên Công ty S và Công ty T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nhưng được Công ty S thừa nhận về việc này nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền Công ty T còn nợ Công ty S là 2.105.001.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho Công ty T biết yêu cầu nêu trên của Công ty S, nhưng Công ty T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, buộc Công ty T phải trả cho Công ty S số tiền còn nợ là 2.105.001.000đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty S từ ngày 11/01/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, mặc dù trong Hợp đồng không có quy định về việc Công ty T

phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, tại điểm d khoản 4 Điều 146 Luật xây dựng năm 2014 quy định “Bên giao thầu phải bồi thường cho bên nhận thầu trong các trường hợp chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng” và tại điểm d Khoản 2 Điều 42 Nghị định 48/2010 quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng của bên giao thầu (Công ty T) như sau: “*Bên giao thầu chậm thanh toán thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu*”. Đồng thời căn cứ vào quy định tại Điều 53 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 “*Các hợp đồng xây dựng đã ký và đang thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định về hợp đồng xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành*”. Như vậy, pháp luật đã có quy định về việc Công ty T phải bồi thường cho Sông Đà 6 khoản tiền lãi do chậm thanh toán. Do đó yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty S phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Biên bản Quyết toán và thanh lý không ghi ngày tháng chỉ ghi năm 2016, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tính ngày ký biên bản trên là ngày 31/12/2016. Như vậy, thời hạn cuối cùng để Công ty T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là ngày 10/01/2017 và thực tế đến ngày 09/01/2017 Công ty T chỉ mới thanh toán được 300.000.000đồng đối với số tiền còn nợ theo biên bản quyết toán và thanh lý nêu trên. Như vậy số tiền còn nợ được tính lãi kể từ ngày 11/01/2017. Từ ngày 11/01/2017 đến ngày xét xử (ngày 17/8/2017) là 217 ngày.

Về mức lãi suất, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sông Nhuệ (nơi Sông Đà 6 mở tài khoản) đã có thông báo gửi cho Sông Đà 6 để công bố mức lãi suất quá hạn áp dụng tại thời điểm ngày 10/01/2017 là 12.75%/năm (tức là 1,0625%/tháng)

Khoản tiền bồi thường (tiền lãi do chậm thanh toán) là 2.105.001.000đồng. Tiền lãi được tính như sau:

$$2.105.001.000\text{đồng} \times 217 \text{ ngày} \times 1,0625\%/\text{tháng} = 161.778.097\text{đồng}.$$

Tổng cộng buộc Công ty T phải trả cho Công ty S số tiền là 2.266.779.097đồng (2.105.001.000đồng tiền nợ gốc và 161.778.097đồng tiền lãi).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Công ty Sông Đà được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 146 Luật Xây dựng 2014; điểm d Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010, Điều 53 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng của Công ty Cổ phần S đối với Công ty Cổ phần B.

Buộc Công ty T phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền là 2.266.779.097đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần B phải nộp 77.335.582đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.050.009đồng theo biên lai số 0005060 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- Chi cục THA huyện Bến Lức
- Các đương sự.
- Lưu HS, Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Thị Phúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Lức, ngày 17 tháng 8 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 9 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 8 năm 2017

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Ba
2. Ông Nguyễn Văn Cao

Tiến hành nghị án vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2017/TLST- KDTM, ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng xây dựng” giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quốc Bảo – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Bùi Hồng H, sinh năm 1978

Địa chỉ liên hệ: tầng 3, khu văn phòng, tòa nhà FLC Landmark, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Ông Nguyễn Đặng Nhật M, sinh năm 1992

Địa chỉ liên hệ: tầng 3, khu văn phòng, tòa nhà FLC Landmark, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Giấy ủy quyền ngày 22/3/2017.

Bị đơn: Công ty Cổ phần B

Địa chỉ trụ sở: Nguyễn Văn Tuôi, khu phố 6, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đức

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 146 Luật Xây dựng 2014; điểm d Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010, Điều 53 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 quy định về án phí lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng của Công ty Cổ phần S đối với Công ty Cổ phần B.

Buộc Công ty Cổ phần B phải trả cho Công ty Cổ phần S số tiền là 2.266.779.097đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần B phải nộp 77.335.582đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.050.009đồng theo biên lai số 0005060 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 00phút, ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Ba- Nguyễn Văn Cao

Trịnh Thị Phúc